UBND TP BIÊN HÒA **PHÒNG KINH TẾ** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: 80 /QĐ-PKT	*Biên Hòa, ngày 31 tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của Phòng Kinh tế

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 13826/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán ngân sách năm 2020;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Phòng Kinh tế (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó trưởng phòng, Kế toán và các tổ liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phòng Tài chính kế hoạch;
- Lưu :VT.

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG KINH TẾ

Nguyễn Thị Duyên

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13826 /QĐ-UBND	*Biên Hòa, ngày 21 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-STC ngày 14/12/2021 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND và Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 18/12/2021 của HĐND thành phố Biên Hòa khóa XII - Kỳ họp thứ 4 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ chi ngân sách thành phố và mức bổ sung ngân sách cấp dưới năm 2022 trên địa bàn thành phố;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 252/TTr-TCKH ngày 20/12/2021 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho Phòng Kinh tế thành phố Biên Hòa (phân bổ nội dung cụ thể theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trưởng Phòng Kinh tế thành phố Biên Hòa có trách nhiệm tổ chức điều hành và thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Kinh tế thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày 01/01/2022 và Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT.Thành ủy BH;
- TT.HĐND TPBH;
- CT, các PCT/UBND TP;
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND TP;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Nguyên

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13826 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố Biên Hòa)

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị: PHÒNG KINH TẾ

Mã số: 1067321

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:**	
1	**Số thu phí, lệ phí:**	**73.595.000**
1.1	*Lệ phí*	0
1.2	*Phí*	73.595.000
	- Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	25.400.000
	- Phí thẩm định quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	48.195.000
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**51.256.000**
2.1	**Chi quản lý hành chính**	**51.256.000**
a	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ*	*51.256.000*
	- Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại (50%)	12.700.000
	- Phí thẩm định quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản (80%)	38.556.000
b	*Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ*	*0*
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**22.339.000**
	- Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại (50%)	12.700.000
	- Phí thẩm định quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản (20%)	9.639.000
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**6.303.000.000**
1	**Chi quản lý hành chính:**	**2.237.000.000**
1.1	***Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ***	***2.177.000.000***
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	1.332.000.000
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	1.332.000.000
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	845.000.000
	- Kinh phí hoạt động	760.500.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	84.500.000

STT	Nội dung	Tổng số
1.2	***Kinh phí không thực hiện tự chủ :***	***60.000.000***
1.2.1	Kinh phí kiểm tra phân loại cơ sở theo Thông tư số 38/BNN-PTNT	60.000.000
	- Kinh phí hoạt đông:	54.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	6.000.000
2	**Chi các sự nghiệp**	**4.066.000.000**
2.1	***Sự nghiệp nông nghiệp :***	***2.452.000.000***
	- Kinh phí sự nghiệp nông nghiệp	2.206.800.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	245.200.000
2.2	***Sự nghiệp lâm nghiệp:***	***624.000.000***
	- Kinh phí sự nghiệp lâm nghiệp	561.600.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	62.400.000
2.3	***Sự nghiệp công thương :***	***480.000.000***
	- Kinh phí sự nghiệp công thương	432.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	48.000.000
2.4	***Sự nghiệp thủy lợi :***	***510.000.000***
	- Kinh phí sự nghiệp thuỷ lợi	484.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	26.000.000

Ghi chú:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức: 65 triệu x 13 biên chế
- Số tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên được giữ lại ngân sách thành phố để thực hiện cải cách tiền lương năm 2022.
- Chi hoạt động thường xuyên năm 2022 đã bao gồm chi phí bảo trì phần mềm quản lý tài s